

Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến sự tham gia vào chuỗi giá trị cây trồng cạn của nông hộ ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long¹

LÊ THANH SANG*
MAO HUYỀN NHƯ**
PAUL KRISTIANSEN***
MICHAEL COLEMAN****
HUỖNH VIỆT KHẢI*****
TRẦN THỊ THƯ DUYÊN*****

Tóm tắt

Bài viết tập trung phân tích, nghiên cứu hiện trạng nông dân ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đang sản xuất trong điều kiện bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu (BĐKH). Trong bối cảnh chuyển đổi nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết số 120/NQ-CP, ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững vùng ĐBSCL về thích ứng với BĐKH (Nghị quyết 120), các nông hộ sản xuất nhỏ là những người có khả năng thích ứng thấp và có nguy cơ bị tụt hậu trong quá trình chuyển đổi của vùng. Thông qua sử dụng phương pháp phân tích chủ đề để phân tích dữ liệu định tính, kết quả nghiên cứu cho thấy, BĐKH đã tác động ra những thách thức đáng kể, như: làm giảm chất lượng và số lượng sản phẩm của nông hộ, tăng chi phí sản xuất và giảm năng suất, hạn chế sự tham gia của họ vào chuỗi giá trị, ảnh hưởng nghiêm trọng đến thu nhập và sinh kế của các nông hộ. Mặt khác, nông dân cũng có những cơ hội, như: sản xuất được ký hợp đồng với công ty, được chính quyền địa phương hỗ trợ. Từ đó, nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực thích ứng cho các nông hộ ở ĐBSCL.

Từ khóa: nông dân, biến đổi khí hậu, chuỗi giá trị, Đồng bằng sông Cửu Long, chuyển đổi

Summary

The article focuses on analyzing and researching the current status of farmers in the Mekong River Delta whose production activities have been affected by climate change. In the context of agricultural transformation under the direction of Resolution No. 120/NQ-CP, dated November 17, 2017 of the Government on sustainable development in the Mekong Delta and adaptation to climate change (Resolution 120), smallholder farmers are those with low adaptability and at risk of being left behind in the regional transition. By using thematic analysis method to analyze qualitative data, the research results show that climate change has caused significant challenges, such as: reducing the quality and quantity of farm products, increasing production costs and reducing productivity, limiting their participation in the value chain, seriously affecting the income and livelihood of farmers. On the other hand, farmers also have opportunities to sign contract with the company and to be supported by the local government. On that basis, the authors propose a number of solutions to improve the capacity of farmers in the Mekong Delta.

Keywords: farmer, climate change, value chain, Mekong Delta, transformation

* Khoa Khoa học Đất - Trường Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ, Việt Nam | Email: thanhangle@ctu.edu.vn

** , *** , ****, Khoa Khoa học, Nông nghiệp, Kinh doanh và Luật - Trường Khoa học Môi trường và Nông thôn, Đại học New England, Úc

***** , Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường, Trường Kinh tế, Đại học Cần Thơ, Việt Nam

Ngày nhận bài: 30/06/2023; Ngày phản biện: 20/7/2023; Ngày duyệt bài: 01/8/2023

¹ Bài viết này là sản phẩm của đề tài khoa học cấp cơ sở Trường Đại học Cần Thơ mã số: TCN2022-05 được tài trợ bởi Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Úc (ACIAR) và được điều phối bởi Đại học New England, Úc.

GIỚI THIỆU

Theo tinh thần Nghị quyết số 120/NQ-CP và Quy hoạch tổng thể vùng ĐBSCL nhằm chuyển hướng phát triển ĐBSCL theo hướng bền vững và khả năng phục hồi, nông dân ở ĐBSCL đã và đang tham gia vào sự chuyển đổi đáng kể trong nông nghiệp để thích ứng với BĐKH (Chính phủ, 2017), theo đó, chuyển đổi từ tăng năng suất sang gia tăng về chất lượng và giá trị gia tăng sản phẩm, đặc biệt là chuyển đổi từ canh tác lúa 3 vụ sang các cây trồng khác, như: cây ăn trái, hoa màu, xen canh lúa - màu hay nuôi trồng thủy sản.

Hầu hết các sản phẩm nông nghiệp ở ĐBSCL được sản xuất bởi các nông hộ sản xuất nhỏ, những người có khả năng thích ứng thấp và có nguy cơ bị tụt hậu trong quá trình chuyển đổi của vùng, do họ thiếu kiến thức về kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý và thông tin thị trường. Đồng thời, sự tham gia vào thị trường của những nông dân này bị hạn chế và sẽ ngày càng hạn chế hơn khi quá trình chuyển đổi diễn ra. Trong bối cảnh đó, nghiên cứu sẽ đánh giá các cơ hội và thách thức ảnh hưởng đến sự tham gia vào chuỗi giá trị cây trồng cạn của các nông hộ sản xuất nhỏ trong điều kiện BĐKH, qua đó, đề xuất các giải pháp để cải thiện và nâng cao năng lực thích ứng cho các nông hộ ở ĐBSCL.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp thu thập số liệu định tính, bao gồm thảo luận nhóm (FGD), phỏng vấn người cung cấp thông tin chính (KII) đối với các nông hộ trồng bắp non ở tỉnh An Giang và nông hộ trồng dưa lê ở tỉnh Hậu Giang. Đây là 2 loại cây trồng cạn truyền thống phổ biến nhất chiếm diện tích đáng kể tại địa bàn nghiên cứu (Niên giám Thống kê, 2022). Hơn nữa, đây là loại cây trồng truyền thống, nên nông dân có nhiều kinh nghiệm và kiến thức trong canh tác. Việc thu thập dữ liệu được hoàn thành trong tháng 11 và 12/2022. Cụ thể, nghiên cứu đã thực hiện 2 FGD tại mỗi tỉnh An Giang và Hậu Giang (tổng cộng 4 FGD) với tổng số 42 người tham gia, trong đó có 7 nữ. Đồng thời, nghiên cứu cũng đã thực hiện 9 KII, trong đó, 4 ở tỉnh Hậu Giang và 5 ở tỉnh An Giang. Các đối tượng tham gia phỏng vấn bao gồm: nông dân, thương lái, cán bộ nông nghiệp cấp xã, cán bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh. Như vậy, nghiên cứu đã thực hiện tổng cộng 9 KIIs và 4 FGD, điều này phù hợp với đề xuất của (Guest và cộng sự, 2006, 2017), người đã phát hiện ra rằng với cỡ mẫu từ 6-12 cuộc phỏng vấn và 3-6 FGD thường sẽ đủ để đạt đến bão hòa (Saturation).

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích chủ đề (Thematic Analysis - TA) để phân tích dữ liệu, tìm ra chủ đề mới nổi trong mỗi câu trả lời và chất lọc dữ liệu định tính bằng nhiều phương pháp (FGD và KII) thành các chủ đề phổ biến nhất đối với các bên liên quan cụ thể (Braun và Clarke, 2006; Kiger và Varpio, 2020). Cụ thể, dữ liệu được phân tích bằng phương pháp phân

tích theo chủ đề quy nạp, trong đó các chủ đề xuất hiện thông qua chính dữ liệu mà không chú ý đến các chủ đề có trong các nghiên cứu khác. Các chủ đề được liên kết chặt chẽ với dữ liệu thay vì mối quan tâm lý thuyết của nhà nghiên cứu đối với chủ đề (Braun và Clarke, 2006).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đặc điểm chuỗi giá trị bắp non và dưa lê ở địa bàn nghiên cứu

Kết quả khảo sát tại 2 tỉnh An Giang và Hậu Giang cho thấy, các phương thức hoạt động khác nhau được tìm thấy trong 2 chuỗi giá trị, cụ thể: Đối với chuỗi giá trị bắp non ở tỉnh An Giang, được xác định đây cách tiếp cận thị trường mang tính đổi mới, trong đó, nông dân ký hợp đồng với công ty, áp dụng tiêu chuẩn GlobalGAP trong sản xuất, giá cả minh bạch và tương đối ổn định. Phụ phẩm sau thu hoạch (thân cây) được sử dụng để nuôi bò nhằm đa dạng hóa thu nhập. Tuy nhiên, đối với chuỗi giá trị bắp non tại An Giang hiện tại, thì vẫn còn tồn tại rủi ro, đó là sự độc quyền của công ty thu mua, do hiện nay chỉ có một doanh nghiệp duy nhất (Công ty Antesco) ký hợp đồng bao tiêu cho cả địa bàn.

Trong khi đó, đối với chuỗi giá trị dưa lê ở tỉnh Hậu Giang, nông dân phải dựa vào nhiều kênh trung gian để sản xuất và đưa sản phẩm đến người tiêu dùng. Bên cạnh đó, rủi ro đối với chuỗi giá trị dưa lê là các giao dịch không có hợp đồng, chủ yếu là bán cho thương lái địa phương hoặc tiêu thụ tại các chợ truyền thống tại địa phương. Đặc biệt là vấn đề thiếu hụt lao động do di cư đi TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương hay tỉnh Đồng Nai để tìm việc làm phi nông nghiệp ở các khu công nghiệp.

Thách thức trong bối cảnh BĐKH

Kết quả khảo sát tại 2 tỉnh An Giang và Hậu Giang đối với 2 loại cây trồng lần lượt là bắp non và dưa lê cho thấy, các nông hộ sản xuất nhỏ tại 2 địa bàn nghiên cứu đều bị ảnh hưởng bởi BĐKH. Cụ thể, nông dân sản xuất nhỏ phải đối mặt với mưa lớn gây lũ lụt vào mùa mưa và thiếu nước ngọt sử dụng cho tưới tiêu vào mùa khô. Ngoài ra, những nông hộ sản xuất dưa lê ở tỉnh Hậu Giang cũng chia sẻ rằng, họ bị ảnh hưởng bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan (mưa to, lũ lụt, bão, đặc biệt là hạn hán và xâm nhập mặn), dẫn đến chi phí sản xuất tăng và



Nông dân
xã Lương Tâm,
huyện Long Mỹ,
tỉnh Hậu Giang
thu hoạch dừa lê

năng suất giảm. Điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến thu nhập và sinh kế của các nông hộ tại địa bàn nghiên cứu, họ phải sản xuất trong điều kiện tiềm ẩn nhiều rủi ro và sự không chắc chắn của thời tiết.

Đặc biệt, BĐKH tác động đến sự tham gia của nông dân vào chuỗi giá trị cây trồng cạn và gây ra những thách thức đáng kể, cụ thể: Kết quả phỏng vấn KII chỉ ra rằng, BĐKH đã tác động đến sản xuất của nông dân thông qua việc làm giảm chất lượng và số lượng sản phẩm của họ, hạn chế sự tham gia của họ vào chuỗi giá trị. Trong đó, đối với chuỗi giá trị dừa lê ở Hậu Giang, kết quả cho thấy rằng, BĐKH là nguyên nhân gây ra nhiều loại sâu bệnh trên cây trồng, đặc biệt là thiên tai (lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn), làm giảm năng suất cây trồng. Do đó, để duy trì năng suất, nông hộ phải gia tăng sử dụng đầu vào, như: lượng phân bón, lượng thuốc trừ sâu và ngày công lao động. Điều này dẫn đến làm tăng chi phí sản xuất và giảm lợi nhuận.

Đối với chuỗi giá trị bắp non ở An Giang, BĐKH đã ảnh hưởng đến mô hình mùa vụ của họ. Điều này khiến nông dân gặp khó khăn trong việc duy trì chất lượng và năng suất bắp non theo tiêu chuẩn của công ty, do mô hình trồng bắp non ở An Giang được doanh nghiệp bao tiêu đầu ra, nên yêu cầu tiêu chuẩn khá khắt khe. Đặc biệt, BĐKH làm giảm chất lượng và sản phẩm đầu ra, không đáp ứng được yêu cầu của công ty, dẫn đến thu nhập của của nông dân trồng bắp non bị ảnh hưởng.

Đồng thời, kết quả phỏng vấn KII và FGD tại địa bàn nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, BĐKH có ảnh hưởng đến sự tham gia của khu vực tư nhân vào chuỗi giá trị. Đó là làm tăng chi phí vận chuyển khi thời tiết không thuận lợi (mưa, bão, lụt...), thậm chí là phá vỡ chuỗi cung ứng do không thể vận chuyển trong điều kiện thời tiết cực đoan. Hơn nữa, chất lượng sản phẩm giảm, không đáp ứng được yêu cầu của nhà nhập khẩu, đặc biệt là các thị trường khó tính, như: Mỹ, Nhật Bản, châu Âu.

Cơ hội cho các nông hộ

Bên cạnh những thách thức do ảnh hưởng bởi BĐKH gây ra như phân tích ở trên, thì cũng có những cơ hội đem lại cho người nông dân trong tình hình mới. Cụ thể, đối với các nông hộ trồng dừa lê ở Hậu Giang, thì những cơ hội liên quan đến kinh tế và thị trường có thể kể đến, như: giá bán ổn định, lợi nhuận cao so với sản xuất lúa và nhu cầu cao trên thị trường, dễ bán cho thương lái hoặc chợ truyền thống. Bên cạnh đó, nông dân và thương lái đã xây dựng được mối quan hệ mua - bán lâu dài và tin tưởng lẫn nhau qua nhiều năm. Trong quá trình giao dịch, giá cả, chất lượng và số lượng được thỏa thuận giữa hai bên ngay vào đầu vụ. Ngoài ra, nông dân có thể bán sản phẩm của mình cho thương lái ngay tại ruộng, mà không phải chịu chi phí vận chuyển.

Trong khi đó, những cơ hội đối với nông dân trồng bắp non ở An Giang có thể kể đến, như: chi phí đầu tư thấp, lợi nhuận cao, được tạm ứng tiền giống trước, có ký hợp đồng bao tiêu với công ty, minh bạch về giá cả, số lượng và chất lượng được đàm phán và đưa vào hợp đồng trước khi bắt đầu mùa vụ sản xuất. Ngoài ra, chính quyền địa phương cũng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình ký kết hợp đồng giữa nông dân và doanh nghiệp bao tiêu. Bên cạnh đó, doanh nghiệp bao tiêu có thị trường tiêu thụ và xuất khẩu lớn cũng được coi là một trong những cơ hội quan trọng cho nông dân trồng bắp non.

Sự kỳ vọng trong tương lai

Khi được hỏi về những kỳ vọng trong tương lai cho cây trồng hiện tại, thì các nông dân trồng bắp non và dưa lê tại các địa bàn nghiên cứu đều bày tỏ mong đợi một tương lai khả quan cho cây trồng cận của họ. Cụ thể, nông hộ sản xuất kỳ vọng rằng, thời tiết sẽ bớt khắc nghiệt hơn trong tương lai, chẳng hạn như: giảm tần suất mưa, bão, lũ lụt hay hạn hán. Họ kỳ vọng, giá bán sản phẩm của họ sẽ tăng và ổn định hơn trong thời gian tới. Đồng thời, nông dân cũng kỳ vọng giá các đầu vào sản xuất, như: giá phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống sản xuất sẽ giảm.

Bên cạnh đó, nông dân cũng kỳ vọng rằng, trong tương lai sẽ được hỗ trợ tiếp cận các chương trình tín dụng với lãi suất ưu đãi cho sản xuất nông nghiệp, cũng như sẽ được đào tạo nhiều hơn về cách tiếp cận thị trường để bán sản phẩm với giá cao hơn và đa dạng kênh tiêu thụ, đào tạo về các kiến thức nông học, chẳng hạn như: phân bón, kỹ thuật trồng trọt bắp non, dưa lê..., bởi đây đều là những nội dung mà nông dân kỳ vọng sẽ được tập huấn trong tương lai. Đặc biệt, nông dân mong muốn có được sự hỗ trợ, quan tâm nhiều hơn từ chính quyền địa phương và các cơ quan ban ngành chức năng, như: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND Tỉnh, để tạo điều kiện liên kết với các doanh nghiệp bao tiêu đầu ra và đưa nông dân đến tham quan, học hỏi các mô hình sản xuất thành công.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, BĐKH đã tác động đến sự tham gia của nông dân vào chuỗi giá trị cây trồng cận và gây ra những thách thức đáng kể, như: làm giảm chất lượng và số lượng sản phẩm của họ, dẫn đến chi phí sản xuất tăng và năng suất giảm, hạn chế sự tham gia của họ vào chuỗi giá trị. Điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến thu nhập và sinh kế của các nông hộ tại địa bàn nghiên cứu. Tuy nhiên, nông dân cũng có những cơ hội, như: sản xuất được ký hợp đồng bao tiêu với công ty, minh bạch về giá cả, số lượng và chất lượng được đảm bảo và đưa vào hợp đồng trước khi bắt đầu mùa vụ sản xuất. Ngoài ra, chính quyền địa phương cũng tạo điều

kiện thuận lợi cho quá trình ký kết hợp đồng giữa nông dân và công ty.

Đề xuất giải pháp thích ứng

Để nâng cao năng lực thích ứng cho các nông hộ tại địa bàn nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp có thể xem xét thực hiện trong tương lai như sau:

Thứ nhất, cải thiện cơ sở hạ tầng, xây dựng hệ thống thoát nước đồng bộ cho toàn vùng, như xây dựng các trạm bơm phục vụ cho nhiều hộ nông dân trong Vùng, thay vì thực hiện các giải pháp cục bộ, riêng lẻ. Đồng thời, xây dựng hệ thống đê bao để ngăn lũ cho đồng ruộng trong các mùa vụ. Ngoài ra, cần có các chính sách hỗ trợ cho nông hộ đầu tư triệt để vào hệ thống tưới tiêu và hỗ trợ gia cố đê bao để bảo vệ sản xuất trong đê được an toàn.

Thứ hai, nông dân cần thay đổi tập quán canh tác để có thể tự nâng cao năng lực thích ứng trong tình hình BĐKH hiện nay, cụ thể là có những hành động liên quan đến thay đổi hành vi canh tác và chuyển đổi để thích ứng với BĐKH, chẳng hạn như: thay đổi lịch thời vụ để thích ứng với tình hình hạn, mặn. Đặc biệt, nông hộ nên cân nhắc chuyển đổi từ sản xuất lúa thâm canh sang trồng cây trồng cận phù hợp hơn, chẳng hạn như bắp non hoặc dưa lê.

Thứ ba, việc sử dụng các giống chịu mặn, chịu hạn cũng cần được nông dân áp dụng để thích ứng với quá trình mặn hóa trong tình hình BĐKH. Ngoài ra, tại địa bàn nghiên cứu, thì việc người dân lựa chọn di cư vào các tỉnh công nghiệp, thành phố lớn (TP. Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương hay tỉnh Đồng Nai) để tìm kiếm cơ hội việc làm và đa dạng hóa thu nhập cũng được xem là biện pháp nhằm thích ứng với BĐKH. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Braun, V., and Clarke, V. (2006), Using thematic analysis in psychology, *Qualitative Research in Psychology*, 3(2): 77-101, 10.1191/1478088706qp0630a.
2. Chính phủ (2017), *Nghị quyết số 120/NQ-CP, ngày 17/11/2017 về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu*.
3. Tổng cục Thống kê (2023), *Niên giám Thống kê năm 2022*, Nxb Thống kê.
4. Guest G, Bunce A and Johnson L, (2006), *How many interviews are enough? An experiment with data saturation and variability*, *Field Methods*, 18, 59-10, 1177/1525822X05279903
5. Guest G, Namey E, and McKenna K, (2017), *How many focus groups are enough? Building an evidence base for nonprobability sample sizes*, *Field Methods*, 29, 3-22, 10.1177/1525822X16639015.
6. Kiger, M.E., and Varpio, L (2020). Thematic analysis of qualitative data: AMEE Guide No. 131, *Medical Teacher*, 42(8), 846-854, 10.1080/0142159X.2020.1755030.